

Số: 94 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi  
trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính  
phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ  
trình số 6485/TTr-SNN ngày 26 tháng 12 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây  
trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”, chi tiết tại  
Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, cơ sở pháp lý, nội dung trình ban hành  
Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các  
huyện, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả, đảm bảo các  
mục tiêu; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chuyển đổi cơ cấu  
cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo đúng kế hoạch được phê duyệt và đảm  
bảo các nguyên tắc, tiêu chí theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa;  
báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày  
**20/12/2025.**

**2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

a) Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa  
năm 2025 trên địa bàn phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có  
thẩm quyền phê duyệt và các nguyên tắc, tiêu chí theo quy định của Luật Trồng trọt  
năm 2018 và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính  
phủ.

b) Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn trực thuộc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi không đúng quy định.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) trước ngày **25/11/2025**.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Khcdctvtdatlua/31.12-844)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Tấn Đức**

**Phụ lục:**  
**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI**  
**TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**  
*(Kèm theo Quyết định số 94 /QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*



*Đơn vị tính: ha*

STT	Huyện/thành phố	Diện tích đất lúa được chuyển đổi			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
	<b>Tổng số</b>	<b>544,78</b>	<b>51,80</b>	<b>492,98</b>	
	Trồng cây hàng năm	174,70	45,80	128,90	
	Trồng cây lâu năm	181,29		181,29	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	7,50	6,00	1,50	
	<b>Trong đó:</b>				
1	<b>Thành phố Biên Hòa</b>	<b>6,20</b>	<b>5,50</b>	<b>0,70</b>	
	Trồng cây hàng năm	5,70	5,50	0,20	
	Trồng cây lâu năm	0,20		0,20	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,10		0,10	
2	<b>Huyện Vĩnh Cửu</b>	<b>162,78</b>	<b>7,00</b>	<b>155,78</b>	
	Trồng cây hàng năm	16,00	7,00	9,00	
	Trồng cây lâu năm	73,39		73,39	
3	<b>Huyện Long Thành</b>	<b>15,00</b>	<b>15,00</b>	<b>0,00</b>	
	Trồng cây hàng năm	10,00	10,00		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	5,00	5,00		
4	<b>Huyện Trảng Bom</b>	<b>56,00</b>		<b>56,00</b>	
	Trồng cây hàng năm	23,50		23,50	
	Trồng cây lâu năm	16,00		16,00	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,50		0,50	
5	<b>Huyện Thống Nhất</b>	<b>15,86</b>	<b>1,00</b>	<b>14,86</b>	
	Trồng cây hàng năm	1,00	1,00		
	Trồng cây lâu năm	7,43		7,43	
6	<b>Thành phố Long Khánh</b>	<b>18,00</b>		<b>18,00</b>	
	Trồng cây hàng năm	5,00		5,00	
	Trồng cây lâu năm	6,50		6,50	
7	<b>Huyện Xuân Lộc</b>	<b>70,20</b>		<b>70,20</b>	
	Trồng cây hàng năm	17,70		17,70	

	Trồng cây lâu năm	25,80		25,80	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,90		0,90	
8	<b>Huyện Cẩm Mỹ</b>	<b>35,80</b>		<b>35,80</b>	
	Trồng cây hàng năm	35,80		35,80	
9	<b>Huyện Tân Phú</b>	<b>82,64</b>		<b>82,64</b>	
	Trồng cây hàng năm	0,70		0,70	
	Trồng cây lâu năm	40,97		40,97	
10	<b>Huyện Định Quán</b>	<b>82,30</b>	<b>23,30</b>	<b>59,00</b>	
	Trồng cây hàng năm	59,30	22,30	37,00	
	Trồng cây lâu năm	11,00		11,00	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00		

**Ghi chú:** tổng số = Cây hàng năm + Cây lâu năm x 2 (để quy ra diện tích gieo trồng) + Trồng lúa kết hợp NTTS

